

QUÁ TRÌNH QUÁ ĐỘ DÂN SỐ Ở VIỆT NAM: LỊCH SỬ VÀ LÔ-GÍC

Hà Trọng Nghĩa¹, Phạm Thị Hà Thương²

¹ Đại học Văn Hiến, ² Đại học Tôn Đức Thắng

nghiaht@vhu.edu.vn

Ngày nhận bài: 19/10/2017; Ngày duyệt đăng: 26/12/2017

TÓM TẮT

Bằng cách tiếp cận Lịch sử - Logic, bài viết phân tích mô hình quá độ dân số ở Việt Nam từ năm 1935 đến 2016. Kết quả cho thấy mặc dù Việt Nam vẫn trải qua các giai đoạn quá độ dân số như lý thuyết quá độ dân số miêu tả, mô hình này có những nét đặc thù: (1) Quá độ mức sinh đến trước quá độ mức chết khoảng trên 20 năm và dự đoán thời kỳ hậu quá độ sẽ đến sau năm 2049, (2) Các chỉ số về sinh, chết, tốc độ tăng trưởng dân số thời kỳ quá độ dân số ở Việt Nam cao hơn so với các chỉ số của lý thuyết quá độ dân số. Nguyên nhân là vì Việt Nam kế thừa các thành tựu y học hiện đại và nhận được sự tài trợ kỹ thuật và tài chính từ các tổ chức quốc tế để nâng cao chất lượng dân số. Ngoài ra, quá trình đô thị hóa, cải thiện trình độ học vấn, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế một mặt làm tuổi thọ tăng lên, mặt khác cũng khiến người dân bắt đầu có những hành vi hạn chế mức sinh, góp phần thúc đẩy sự quá độ dân số diễn ra nhanh hơn trong bối cảnh Việt Nam vẫn chưa hoàn thành quá trình công nghiệp hóa đất nước.

Từ khóa: quá độ dân số, chính sách dân số, lịch sử - logic, lý thuyết quá độ dân số, xã hội học dân số

ABSTRACT

Population transition in Vietnam: history and logic

Via the Historical – Logical approach, this paper analyzes the model of population transition in Vietnam from 1935 to 2016. Results indicate that although Vietnam experienced all described periods of population transition in theory, the population transition model in our country also owns special features. First of all, the transition in birth rate comes over 20 years earlier than that in death one, and the post-transition period is predicted to occur after 2049. Secondly, the figures of birth, death and population growth speed in Vietnam in the transition period is higher than those in theory. The cause of this difference lies in our inheritance of modern medical achievements and technical, financial supports from international organizations for the upgradation of the population quality after exiting two wars at those first years of XX century. Moreover, the progress of urbanization, educational improvement and medical service upgradation, on one hand, help the longevity increase; but also on the other hand enable the people to restrict their own birth rate, which boosts the population transition in Vietnam's current scenario - with an unfinished industrialization period.

Keywords: population transition, population policy, history - logic, population transition theory, population sociology

1. Đặt vấn đề

Quá độ dân số là một hiện tượng dân số phổ biến. Đi kèm với quá trình này là cơ hội và thách thức của cả một dân tộc. Sự quá độ mức sinh, mức chết diễn ra khá dài ở châu Âu (1750 - 1950) cho tới sự chuyển đổi nhân khẩu nhanh chóng ở Đông Á (1950 - 1990) và Đông Nam Á (từ khoảng những năm 60 của thế kỷ XX cho đến nay) cho thấy tầm quan trọng vô cùng to lớn của việc tận dụng “lợi tức dân số” trong thời kỳ quá độ dân số đến quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở mỗi quốc gia.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề dân số trong phát triển kinh tế - xã hội của đất

nước, đảng Cộng sản Việt Nam và chính quyền Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chính sách về phát triển dân số. Các chính sách dân số từ năm 1954 - 2000 tập trung vào việc kiểm soát sự gia tăng dân số; sau đó từ năm 2000 đến nay tập trung vào việc chủ động kiểm soát và chủ động điều chỉnh cơ cấu dân số nhằm nâng cao chất lượng dân số (Trương Xuân Trường, 2004). Nhìn chung, Nhà nước Việt Nam đã nhận thức một cách rõ ràng rằng Chiến lược dân số Việt Nam là một bộ phận không thể tách rời của Chiến lược phát triển đất nước (UNFPA, 2009).

Các nghiên cứu học thuật cũng như kinh nghiệm thực tiễn đều cho thấy hầu hết các quốc

gia “cắt cánh” thành công đều có chính sách dân số hữu hiệu nhằm tận dụng tối đa giai đoạn dân số “vàng” trong quá trình quá độ dân số. Việt Nam đã bước vào giai đoạn già hóa dân số vào năm 2011 và sẽ đạt đỉnh của lợi tức dân số trong năm 2020 nhưng dường như chúng ta đang lãng phí lợi thế dân số có một không hai này. Thời kỳ quá độ dân số ở Việt Nam sẽ diễn ra trong bao lâu? Đây là những đặc trưng của quá độ dân số Việt Nam so với mô hình quá độ dân số trên thế giới? Nguyên nhân của sự khác biệt đó là gì? Đó chính là những vấn đề được trình bày trong bài viết này.

Hiện nay, đã có một số công trình nghiên cứu về vấn đề này. Một trong những nghiên cứu đầu tiên về quá độ dân số ở Việt Nam là của Barbieri (1996) cho thấy mặc dù có những đặc trưng riêng, tiến trình biến đổi dân số Việt Nam nhìn chung vẫn đúng với lý thuyết quá độ dân số. Tuy nhiên, tác giả cũng nhận định rằng “một số hoài nghi vẫn liên tục được đưa ra bởi nhiều nhà nghiên cứu làm việc về cái đã được gọi là thế giới thứ ba, khi các khung cảnh văn hóa - xã hội và xã hội rất khác biệt với những cái của thế giới phương Tây có thể làm sản sinh ra những khuôn mẫu dân số biến lệch khỏi những cái đã quan sát thấy ở những nước đã phát triển” (Barbieri, 1996: tr. 86).

Nghiên cứu của Đặng Thu (2000) là một trong số ít ỏi nghiên cứu về mặt lý luận về quá độ dân số ở Việt Nam. Mặc dù, các kết quả và nhận định của tác giả có thể được xem là nền tảng cho các nghiên cứu tiếp theo, đáng tiếc các số liệu dừng lại ở năm 1995 nên tác giả chưa có cơ hội phân tích nhiều hơn đặc trưng của quá độ dân số Việt Nam, cũng như hệ thống hóa mô hình quá độ dân số ở Việt Nam.

Sau nghiên cứu của Đặng Thu (2000), mối quan tâm về mặt lý luận của vấn đề quá độ dân số ở Việt Nam giảm hẳn và nhường chỗ cho các nghiên cứu thực nghiệm. Các nghiên cứu sau đó, như của Trương Xuân Trường (2004); UNFPA (2009, 2016); Nguyễn Đức Vinh (2006, 2009); Tổng cục Thống kê (2011); Nguyễn Thanh Bình (2013), mặc nhiên thừa nhận sự tương hợp giữa lý thuyết quá độ dân số với tiến trình dân số ở

Việt Nam và dành nhiều công sức để phân tích về thực trạng, nguyên nhân và các giải pháp cho vấn đề mức sinh, mức chết, tăng trưởng dân số ở Việt Nam hơn là đề cập đến những vấn đề có thể còn tranh luận về quá độ dân số ở Việt Nam.

Bài viết này như một nỗ lực tái lập lại mối quan tâm về mặt lý luận đối với vấn đề quá độ dân số ở Việt Nam (gần như bị bỏ quên ít nhất 20 năm) với hai mục tiêu chính (1) Mô tả quá trình quá độ dân số ở Việt Nam theo tiến trình lịch sử ở hai yếu tố mức sinh, mức chết, (2) Từ đó tìm ra đặc trưng của mô hình quá độ dân số ở nước ta.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp luận

2.1.1. Cách tiếp cận Lịch sử - Logic

Nghiên cứu về quá độ dân số ở Việt Nam sẽ được thực hiện từ việc thu thập các dữ liệu sinh, chết, sự gia tăng dân số trong các thời kỳ lịch sử, từ đó khái quát tính quy luật của sự vận động dân số, làm cơ sở cho việc đưa ra mô hình quá độ dân số đặc trưng của Việt Nam.

2.1.2. Lý thuyết quá độ dân số

Lý thuyết quá độ dân số là nền tảng của nghiên cứu này. Lý thuyết quá độ dân số mô tả sự biến đổi dân số của các quốc gia trải qua ba giai đoạn: “- Giai đoạn trước quá độ có đặc trưng là mức sinh cao và ổn định còn mức chết cao và biến động. - Giai đoạn quá độ là thời kỳ có những biến động lớn cả về mức sinh và mức chết mà xu hướng thường gặp là mức chết giảm nhanh hơn mức sinh, vì vậy dân số tăng nhanh (còn gọi là bùng nổ dân số). - Giai đoạn sau quá độ có đặc trưng là mức sinh và mức chết đều thấp” (Trương Xuân Trường, 2004: tr. 47).

Lý thuyết này định nghĩa: “Quá độ dân số là giai đoạn chuyển từ mức cân bằng thời kỳ tiền quá độ, được đặc trưng bởi mức chết cao và mức sinh cao, sang mức cân bằng thời kỳ hậu quá độ được xác định bởi mức chết và mức sinh đều thấp” (Đặng Thu, 2000: tr. 47)

Các tiêu chí cụ thể về mức sinh, mức chết và tỷ suất tăng tự nhiên dân số ở các giai đoạn của quá độ dân số được thể hiện cụ thể qua Bảng 1:

Bảng 1: Các chỉ báo định tính của lý thuyết quá độ dân số trong nghiên cứu quá trình dân số

Thời kỳ	Tiền quá độ	Quá độ			Hậu quá độ
		Giai đoạn I	Giai đoạn II	Giai đoạn III	
Chi số Sinh	Cao	Cao	Giảm	Thấp	Thấp
Chi số Chết	Cao	Giảm chậm	Giảm nhanh hơn tỷ suất sinh	Thấp	Thấp hơn mức sinh
Tỷ suất tăng tự nhiên	Rất thấp hoặc bằng 0	Tăng chậm	Tăng nhanh	Tăng rất chậm hoặc bằng 0	Âm

Nguồn: Tổng cục Dân số - KHHGD; Quỹ Dân số Liên Hiệp Quốc, (2011)

2.2. Nguồn dữ liệu và các chỉ số phân tích

Nghiên cứu này dựa vào nguồn dữ liệu định lượng từ Tổng cục Thống kê Việt Nam và từ các nghiên cứu xã hội học thực nghiệm được

thực hiện ở Việt Nam trong những năm gần đây. Các tiêu chí để đo lường và phân kỳ các giai đoạn quá độ dân số trong bài viết này được thể hiện ở Bảng 2:

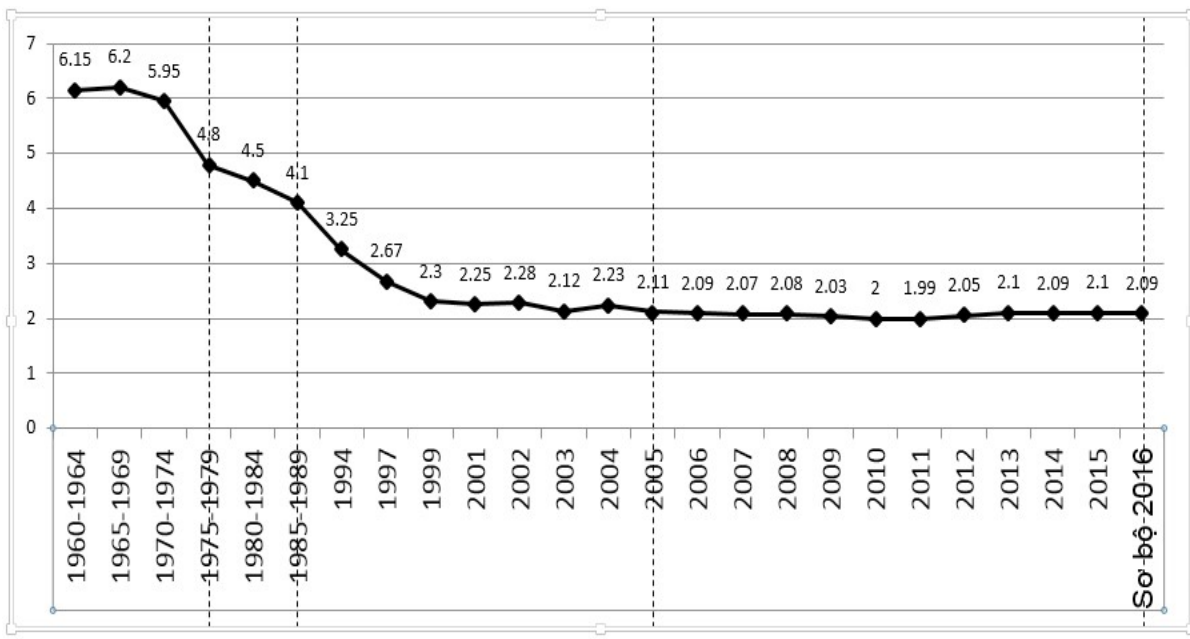
Bảng 2: Các chỉ số định lượng và định tính trong đo lường quá trình quá độ dân số ở Việt Nam

Thời kỳ	Tiền quá độ	Quá độ			Hậu quá độ
		Giai đoạn I	Giai đoạn II	Giai đoạn III	
Chi số Tổng tỷ suất sinh (TFR)	5,5 - 8 con	Cao	2,1	1,85	Thấp
Chi số Tỷ suất chết thô (CDR)	Trên 30‰	Trên dưới 20‰	Trên dưới 10‰		Thấp hơn mức sinh
Chi số Tốc độ gia tăng dân số	Rất thấp hoặc bằng 0	Tăng chậm	2,1%	1%	Âm

Nguồn: Tổng hợp từ Đặng Thu (2000); Tổng cục Dân số - KHHGD; Quỹ Dân số Liên hiệp quốc, (2011)

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Quá độ mức sinh ở Việt Nam



Hình 1: Tổng tỷ suất sinh ở Việt Nam, 1960 – 2016

Nguồn: Tổng hợp từ UNFPA (2009); Đặng Thu (2000); Tổng cục Thống kê (2017)

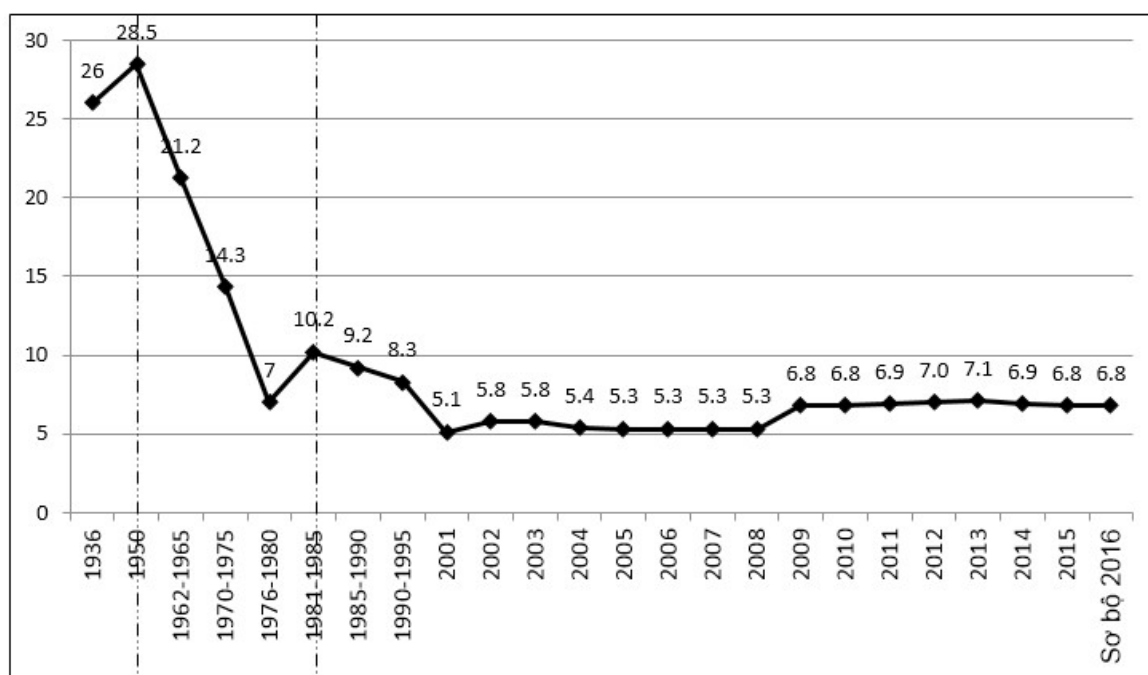
Hình 1 cho thấy thời kỳ tiền quá độ mức sinh ở Việt Nam là từ năm 1969 trở về trước (với tỷ suất sinh trên 6 con/phụ nữ).

Thời kỳ quá độ bắt đầu từ năm 1975 (khi tỷ suất sinh giảm khoảng 1 đơn vị, còn 4,8 con/phụ nữ). Nếu chia thời kỳ quá độ mức sinh ở Việt Nam thành ba giai đoạn thì giai đoạn I là từ năm 1975 - 1989 khi mức sinh giảm chậm. Giai đoạn II là từ năm 1990 - 2004 khi tỷ suất sinh giảm nhanh và bắt đầu ổn định nhưng vẫn cao hơn mức sinh thay thế. Giai đoạn III là từ 2005 - 2049 (theo dự báo của UNFPA (2016)) khi mức sinh của phụ nữ đạt mức sinh thay thế sau đó giảm dần xuống mức 1,85 con/phụ nữ (vào khoảng năm 2044 - 2049) và duy trì ở mức này nhiều năm sau đó. Như thế, có thể dự đoán, thời kỳ hậu quá độ mức

sinh ở Việt Nam sẽ diễn ra vào những năm sau năm 2049.

Sự suy giảm mức sinh của Việt Nam trong giai đoạn quá độ dân số là chủ yếu là do sự phát triển của giáo dục, y tế, đô thị hóa cùng với sự phát triển các chính sách xã hội (về tiếp cận học vấn và các dịch vụ sức khỏe) hơn là do chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ) của Chính phủ (Đặng Thu, 2000). Đúng như Barbiery nhận định: ‘Tôi sẵn sàng nhấn mạnh rằng những chương trình này, hơn nhiều so với các hoạt động KHHGĐ, là những sức mạnh chủ yếu đằng sau sự quá độ dân số (ở Việt Nam)’ (Barbiery, 1996: tr. 89).

3.2. Quá độ mức chết ở Việt Nam



Hình 2: Tỷ lệ chết thô ở Việt Nam, 1936 - 2016

Nguồn: Tổng hợp từ Đặng Thu (2000); Tổng cục Thống kê (2017)

Hình 2 cho thấy thời kỳ tiền quá độ mức chết ở Việt Nam là từ trước năm 1950 (với tỷ suất chết thô khoảng trên dưới 30‰). Các yếu tố ảnh hưởng đến mức chết cao ở Việt Nam thời kỳ tiền quá độ là trình độ học vấn của bà mẹ, chiến tranh (chống Pháp, Mỹ), nạn đói (1945), chất lượng dịch vụ y tế (đặc biệt là ở khu vực cư trú của các dân tộc ít người) (Đặng Thu, 2000).

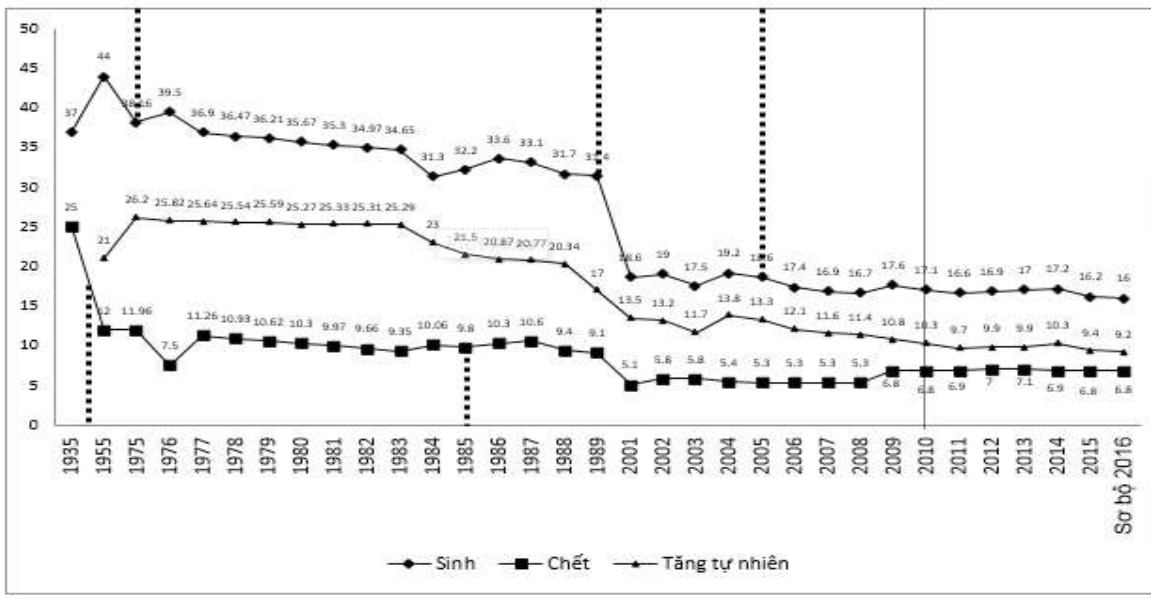
Nếu chia thời kỳ quá độ mức chết ở Việt Nam chia thành ba giai đoạn thì có thể thấy dường như

Việt Nam không trải qua giai đoạn I vì Việt Nam không trải qua giai đoạn mức chết giảm chậm mà sau năm 1950 mức chết giảm rất mạnh. Như vậy có thể nói Việt Nam đã bỏ qua giai đoạn I mà tiến thẳng vào giai đoạn II của quá độ mức chết từ năm 1950 – 1985 khi tỷ suất chết thô giảm mạnh (giảm 2,8 lần trong thời gian 35 năm). Giai đoạn III bắt đầu từ khoảng năm 1986 - 2016 (khi tỷ suất chết thô thấp, có xu hướng giảm chậm đều (trong vòng 26 năm, giảm 1,35 lần) và dự kiến

kéo dài đến năm 2049 khi mức chết thấp đi cùng với sự gia tăng tuổi thọ hàng năm, theo dự báo của UNFPA (2016) từ năm 2019 đến năm 2049, tuổi thọ trung bình của người Việt là 72,35 tuổi.

Trương tự như mức sinh, thời kỳ hậu quá độ mức chết nhiều khả năng diễn ra vào những năm sau 2049.

3.3. Quá độ dân số ở Việt Nam

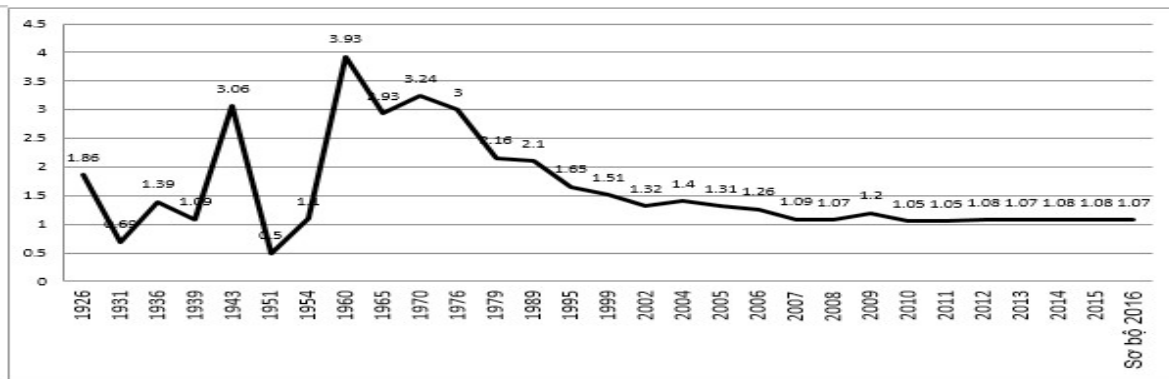


Hình 3: Quá độ dân số ở Việt Nam, 1945-2016

Nguồn: Tổng hợp từ Phạm Bích Sang (1990); Đặng Thu (2000); Tổng cục Dân số - KHHGD; Quỹ Dân số Liên hợp quốc (2011); Tổng cục Thống kê (2017)

Số liệu từ Hình 3 cho thấy có sự “lệch pha” giữa quá độ dân số mức sinh và quá độ dân số mức chết. Thời kỳ quá độ dân số mức chết đến trước quá độ mức sinh khoảng 25 năm (năm 1950 bắt đầu thời kỳ quá độ mức chết và 1975 bắt đầu thời kỳ quá độ mức sinh). Bên cạnh đó, như đã nói Việt Nam gần như không trải qua giai đoạn I của quá độ mức chết trong khi đó giai đoạn I của quá độ mức sinh vẫn diễn ra trong khoảng 14 năm từ 1975 - 1989. Đó là lý do vì sao cho tới sau năm 1989, hiện tượng “bùng nổ dân số” (bắt đầu từ năm 1960)

ở nước ta mới chấm dứt. Do gần như không trải qua giai đoạn I của quá độ mức chết, nên sự quá độ mức chết ở giai đoạn II (từ 1950 - 1985) diễn ra trước và kéo dài hơn gấp đôi (35 năm so với 14 năm) so với giai đoạn II của quá độ mức sinh (từ năm 1990 - 2004). Giai đoạn III của quá độ mức chết đến sớm hơn so với mức sinh (1986 so với 2005) và do đó tính đến nay Việt Nam đã trải qua giai đoạn III của quá độ mức chết được 26 năm, trong khi đó chỉ mới trải qua 11 năm trong giai đoạn III của quá độ mức sinh.



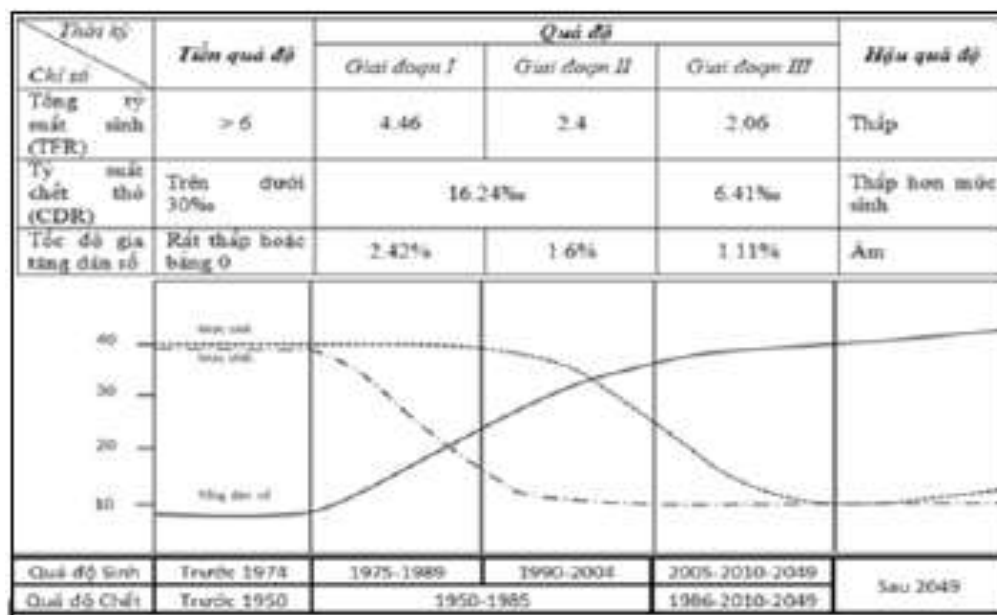
Hình 4: Tốc độ tăng trưởng dân số trung bình hàng năm ở Việt Nam, 1921-2010 (%)

Nguồn: Tổng hợp từ: Tổng cục Dân số - KHHGD; Quỹ Dân số Liên hợp quốc, (2011); Tổng cục Thống kê (2017)

Nếu lấy mốc năm 2010, khi tỷ lệ gia tăng dân số Việt Nam là 1,05% thì có thể nói nước ta lúc đó đã bước vào nửa sau của giai đoạn III quá độ dân số (đối với cả mức sinh lẫn mức tử) với đặc trưng là ‘CBR đạt mức thấp, CDR tiếp tục thấp nhưng do sự già hóa của dân số nên CDR sẽ tăng lên không nhiều, dân số tăng chậm, thậm chí ở một số nước dân số còn giảm’ (Tổng cục Dân số - KHHGD; Quỹ Dân số Liên hợp quốc, 2011:

tr. 146). Như vậy, từ năm 2010 đến nay tiến trình quá độ mức sinh và mức tử đã gần như đồng hành với nhau. Và theo dự báo của UNFPA, tỷ suất gia tăng dân số bình quân hàng năm ở Việt Nam từ 2025 đến 2049 là dưới 1,0% (UNFPA, 2016) (Hình 4).

4.4. Mô hình quá độ dân số ở Việt Nam trong tương quan với lý thuyết quá độ dân số



Hình 5: Quá độ dân số ở Việt Nam

Nguồn: Tổng hợp từ Tổng hợp từ Phạm Bích Sang (1990); UNFPA (2009); Đặng Thu (2000); Tổng cục Dân số - KHHGD; Quỹ Dân số Liên hợp quốc, (2011); UNFPA (2016) Tổng cục Thống kê (2017)

Như vậy, xét ở khía cạnh lô-gic, so với lý thuyết quá độ dân số thì tiến trình quá độ dân số ở Việt Nam nhìn chung đã, đang và sẽ trải qua ba thời kỳ chính là tiền quá độ, quá độ, hậu quá độ. Tuy nhiên, về mặt lịch sử, quá trình quá độ dân số ở Việt Nam có hai điểm khác biệt đặc trưng. Thứ nhất là sự quá độ mức sinh và mức chết không đồng nhất về mặt thời gian, cụ thể là sự quá độ mức chết đến trước quá độ mức sinh khoảng 20 năm và hai quá trình sinh – chết trở lại song hành cùng nhau bắt đầu từ năm 2010. Thứ hai là so với các chỉ tiêu của lý thuyết quá độ dân số thì rõ ràng các chỉ số của quá trình quá độ dân số ở Việt Nam cao hơn.

Lý do của sự khác biệt là do mô hình quá độ

dân số kinh điển được rút ra từ quan sát lịch sử dân số của các nước phương Tây, là nơi diễn ra quá trình công nghiệp hóa đầu tiên trong lịch sử nhân loại. Chính nhờ sự phát triển kinh tế - xã hội, trong đó đặc biệt quan trọng là các tiến bộ về dịch vụ y tế đã khiến cho mức sinh và mức chết diễn ra theo tuần tự. Ngược lại, Việt Nam do đặc thù lịch sử trải qua chiến tranh và được kế thừa thành tựu y học hiện đại cùng với sự tài trợ từ các chương trình kiểm soát dân số từ các tổ chức quốc tế, đã khiến cho sự quá độ mức chết diễn ra nhanh hơn hẳn quá độ mức sinh và cả hai quá trình quá độ sinh và chết đều nhanh hơn so với mô hình quá độ cổ điển ở các nước châu Âu và Bắc Mỹ. Bên cạnh đó, hiện nay Việt Nam vẫn chưa hoàn thành công

cuộc công nghiệp hóa nên mặc dù đã bước qua giai đoạn ba của thời kỳ quá độ dân số (với các đặc điểm định tính đặc trưng), các chỉ số về mức sinh, mức chết và tốc độ tăng trưởng dân số ở Việt Nam cao hơn so với chuẩn lý thuyết.

5. Kết luận

Hiện nay, Việt Nam đang ở nửa sau của giai đoạn III trong quá trình quá độ dân số và dự kiến sẽ kết thúc vào khoảng năm 2049. Xét toàn bộ tiến trình dân số nước ta, có một số đặc trưng nổi bật là sự bất tương đồng về quá trình quá độ sinh và chết trong một khoảng thời gian khá dài; chỉ đến năm 2010 mới chấm dứt. Hai là các chỉ số về sinh, chết, tốc độ tăng trưởng dân số ở Việt Nam cao hơn so với mô hình quá độ dân số kinh điển ở các nước phát triển. Điều đó khiến cho quá trình quá độ dân số nước ta diễn ra nhanh hơn.

Tóm lại, có vẻ như quá độ dân số ở Việt Nam là một quá trình “chín ép”. Nguyên nhân chính là do quá trình đô thị hóa, sự cải thiện trình độ học vấn của phụ nữ và đặc biệt là sự tiến bộ về dịch vụ y tế cùng sự trợ giúp về kỹ thuật và tài chính của Liên hợp quốc và các tổ chức nước ngoài. Điều này tạo sức ép lớn đến sự phát triển của một quốc gia mà sự chuẩn bị về nguồn lực chưa đầy đủ đi đôi với sự tận dụng chưa tốt cơ hội dân số hiện nay.

Những nghiên cứu trong tương lai khi đã có những dữ liệu mới cần tập trung dự đoán thời điểm của sự chuyển đổi sang giai đoạn hậu quá độ. Ngoài ra, các nghiên cứu tiếp theo có thể phân tích các vấn đề của dân số Việt Nam hiện nay như già hóa dân số, dân số vàng, chất lượng dân số,... trong bối cảnh quá độ dân số để có cách nhìn hệ thống hơn. Điều này, về mặt thực tiễn sẽ vô cùng hữu ích cho công tác hoạch định chính sách dân số của quốc gia nói riêng và chính sách phát triển đất nước nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Barbiery, M. (1996). Quá độ dân số ở Việt Nam: một cái nhìn toàn cục. *Tạp chí Xã hội học*, tr. 86-89.
- Đặng Nguyên Anh (1996). Ảnh hưởng của các biến số trung gian đến tử vong Việt Nam. *Tạp chí Xã hội học*, tr. 34-51.
- Đặng Nguyên Anh (2007). *Xã hội học dân số*. Hà Nội, NXB. Khoa học xã hội.
- Đặng Thu (2000). Quá độ dân số ở Việt Nam. *Việt Nam học. Kỳ yếu Hội thảo Quốc tế lần thứ I, Hà Nội*, NXB. Thế giới, tr. 47-64.
- Nguyễn Đức Vinh (2006). Hiện trạng và xu hướng quá độ tử vong ở Việt Nam. *Tạp chí Xã hội học*, tr. 48-60.
- Nguyễn Đức Vinh (2009). Tỷ số giới tính khi sinh ở Việt Nam hiện nay: Mức độ và các yếu tố tác động. *Tạp chí Xã hội học*, tr. 32-45.
- Nguyễn Thanh Bình (2013). *Một số đánh giá về mức sinh ở Việt Nam hiện nay*. Khoa học ĐHSPTP. HCM, tr. 18-23.
- Nguyễn Văn Hộ và Nguyễn Đăng Bình (2004). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Thái Nguyên, Đại học Thái Nguyên.
- Phạm Bích Sang (1990). Gia tăng dân số ở Việt Nam? Khuynh hướng và triển vọng. *Tạp chí Xã hội học*, tr. 10-14.
- Tổng cục Dân số - KHHGĐ; Quỹ Dân số Liên Hiệp Quốc (2011). *Tạp chí Dân số học*. Hà Nội, Tổng cục Dân số - KHHGĐ.
- Tổng cục Thống kê (2011). *Mức sinh và mức chết ở Việt Nam: Thực trạng, xu hướng và những khác biệt*. Hà Nội, Tổng cục Thống kê.
- Tổng cục Thống kê (2017). *Dân số và lao động*. Tham khảo tại: <http://www.gso.gov.vn> [Truy cập ngày 10 tháng 5 năm 2017].
- Trương Xuân Trường (2004). Vài nét về quá độ dân số và chương trình dân số ở Việt Nam. *Tạp chí Xã hội học*, pp. 47-50.
- UNFPA (2009, 12). *Dân số và phát triển tại Việt Nam: Hướng tới một chiến lược mới, 2011-2020*. Tham khảo tại: <http://vietnam.unfpa.org> [Truy cập ngày 10 tháng 5 năm 2017].
- UNFPA. (2010). *Tận dụng cơ hội dân số "vàng" ở Việt Nam: Cơ hội, thách thức và các gợi ý chính sách*. Tham khảo tại: <http://vietnam.unfpa.org> [Truy cập ngày 10 tháng 6 năm 2017].
- UNFPA. (2016). *Dự báo dân số Việt Nam: 2014 - 2049*. Hà Nội, NXB Thông Tấn.